

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1036/QĐ-BVUB

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu
Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 7108/STC-TĐ ngày 31/7/2025 của Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1891/QĐ-BVUB ngày 31/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán mua sắm phục vụ hoạt động bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-BVUB ngày 16/3/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa về việc Phân bổ nguồn vốn và dự toán Kế hoạch

lựa chọn nhà thầu: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 ;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-BVUB ngày 20/3/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-BVUB ngày 25/3/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 22/BC-TCG ngày 05/5/2026 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá E-HSDT gói thầu Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026;

Căn cứ Báo cáo số 32/BC-TTĐ ngày 15/5/2026 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600114322
- Tên gói thầu: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026.
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 5.146.593.034 VND
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

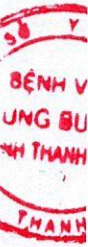
(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

(Theo phụ lục 2 đính kèm)

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Phụ lục 3 đính kèm



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Dược – VTYT và phòng Tài chính Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng khoa học Bệnh viện, phòng KHTH-CĐT-ĐD, Khoa Dược-VTYT, phòng Tài chính Kế toán của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**



Trần Văn Thiết



Phu lục 1: Thông tin về nhà thầu trúng thầu

STT	Mã phần lô	Tên nhà thầu	Mã Số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá đề nghị trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2600125926	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	55.600.000	55.600.000	55.600.000	12 tháng	12 tháng	
2	PP2600125927	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	627.280.000	627.280.000	627.280.000	12 tháng	12 tháng	
3	PP2600125928	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	21.700.000	21.700.000	21.700.000	12 tháng	12 tháng	
4	PP2600125930	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	435.000.000	435.000.000	435.000.000	12 tháng	12 tháng	
5	PP2600125931	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	88.250.000	88.250.000	88.250.000	12 tháng	12 tháng	
6	PP2600125933	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	17.204.400	17.204.400	17.204.400	12 tháng	12 tháng	
7	PP2600125934	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	14.968.800	14.968.800	14.968.800	12 tháng	12 tháng	
8	PP2600125937	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ	2800588271	108.150.000	108.150.000	108.150.000	12 tháng	12 tháng	

STT	Mã phân lô	Tên nhà thầu	Mã Số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá đề nghị trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
		VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA							
9	PP2600125938	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	312.000.000	312.000.000	312.000.000	12 tháng	12 tháng	
10	PP2600125943	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	4.740.000	4.740.000	4.740.000	12 tháng	12 tháng	
11	PP2600125945	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	1.897.500	1.897.500	1.897.500	12 tháng	12 tháng	
12	PP2600125947	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	79.500.000	79.500.000	79.500.000	12 tháng	12 tháng	
13	PP2600125948	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	41.440.000	41.440.000	41.440.000	12 tháng	12 tháng	
14	PP2600125949	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	238.500.000	238.500.000	238.500.000	12 tháng	12 tháng	
15	PP2600125950	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ AN SINH	2801615584	36.040.000	36.040.000	36.040.000	12 tháng	12 tháng	
16	PP2600125951	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE	0107898996	705.000.000	705.000.000	705.000.000	12 tháng	12 tháng	

STT	Mã phần lô	Tên nhà thầu	Mã Số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá đề nghị trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
17	PP2600125953	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T	0313922612	99.540.000	99.540.000	99.540.000	12 tháng	12 tháng	
18	PP2600125954	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GIA VIỆT	0312565848	614.827.500	614.827.500	614.827.500	12 tháng	12 tháng	
19	PP2600125955	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T	0313922612	461.475.000	461.475.000	461.475.000	12 tháng	12 tháng	

Phu lục 2: Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T	vn0313922612	PP2600125929	E-HSDT Không đạt Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
2	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	vn2800588271	PP2600125932	E-HSDT Không đạt Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
3	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	vn2800588271	PP2600125946	E-HSDT Không đạt Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
4	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T	vn0313922612	PP2600125948	E-HSDT Không đạt Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
5	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ AN SINH	vn2801615584	PP2600125949	E-HSDT Không đạt Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT
6	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T	vn0313922612	PP2600125954	Nhà thầu xếp hạng thứ 2

Phu lục 3: THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

STT phần lô	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách đóng gói	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu
1	1	26.UBV TBS.1	PP26001 25926	Băng keo lụa y tế 5cm x 10m	PSATS50 0-10	Zhejiang Huikang Medicinal Articles	2025 trở về sau	Zhejiang Huikang Medicinal Articles Co.,Ltd	Trung Quốc	Cuộn	2000	06 cuộn/hộp	3005	27.800	55.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
2	2	26.UBV TBS.2	PP26001 25927	Bộ dây truyền dịch an toàn dùng bơm (INTRAFIX SAFESET)	4063131	Intrafix	2025 trở về sau	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	Cái	20000	01 bộ/túi	9018	31.364	627.280.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
3	3	26.UBV TBS.3	PP26001 25928	Dây truyền máu (With needle) (loại có kim)	With needle	Suzhou Yudu Medical	2025 trở về sau	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	3500	500 cái/thùng	9018	6.200	21.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
4	4	26.UBV TBS.5	PP26001 25930	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên M-Lead	ML16-180S-E; ML16-165S-E	M-Lead	2025 trở về sau	Tokai Medical Products, Inc.	Nhật Bản	Cái	100	1 cái/hộp	9018	4.350.000	435.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
5	5	26.UBV TBS.6	PP26001 25931	Chi tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 1	CL-915	Polysorb Braided Absorbable Suture	2025 trở về sau	Covidien	Mỹ	Sợi	1000	36 Sợi/ Hộp	3006	88.250	88.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
6	6	26.UBV TBS.8	PP26001 25933	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0	VP-710-X, VP556X-2	Surgipro II Monofilament Polypropylene	2025 trở về sau	Covidien	Dominica	Sợi	108	36 Sợi/ Hộp	3006	159.300	17.204.400	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
7	7	26.UBV TBS.9	PP26001 25934	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0	VPF-706-X	Surgipro II Monofilament Polypropylene	2025 trở về sau	Covidien	Dominica	Sợi	108	36 Sợi/ Hộp	3006	138.600	14.968.800	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
8	8	26.UBV TBS.12	PP26001 25937	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mô mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều, chiều dài 80mm	GIA80MT S	GIA Stapler with Tri-Staple Technology	2025 trở về sau	Covidien	Mỹ	Cái	15	01 Cái/ Hộp	9018	7.210.000	108.150.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
9	9	26.UBV TBS.13	PP26001 25938	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mô mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim, chiều dài 80mm	GIA80MT C	GIA Cartridge with Tri-Staple Technology	2025 trở về sau	Covidien	Mỹ	Cái	150	06 Cái/ Hộp	9018	2.080.000	312.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
10	10	26.UBV TBS.18	PP26001 25943	Băng keo chi thị nhiệt hấp ướt 25mmx56m	ST2556	Nantong Fuhua Medical Packing	2025 trở về sau	Nantong Fuhua Medical Packing Co.,Ltd	Trung Quốc	Cuộn	40	Gói 1 cuộn	3822	118.500	4.740.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

STT phần lô	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách đóng gói	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu
11	11	26.UBV TBS.20	PP26001 25945	Chi thị hóa học dùng cho tiệt trùng nhiệt độ cao 1243A	1243A	3M	2025 trở về sau	3M	Mỹ	Miếng	500	500 cái/túi	3822	3.795	1.897.500	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TỰ Y TẾ THANH HÓA
12	12	26.UBV TBS.22	PP26001 25947	Dụng cụ mở đường vào động mạch	RS*A40G 07SQ/ RS*A50G 07SQ/ RS*A60G 07SQ/ RS*A40K 10SQ/ RS*A50K 10SQ/ RS*A60K 10SQ/ RS*A70K 10SQ/ RS*A80K 10SQ	Radifocu s Introduce r II	2025 trở về sau	Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Việt Nam	Cái	150	Hộp / 5 cái	9018	530.000	79.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TỰ Y TẾ THANH HÓA
13	13	26.UBV TBS.23	PP26001 25948	Dây dẫn đường cho catheter	RF*GA35 153M; RF*PA35 153M; RF*GS35 153M; RF*PS351 53M; RF*GA35 155M; RF*GA35 158M	Radifocu s Guide Wire M	2025 trở về sau	Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Việt Nam	Cái	80	Hộp / 5 cái	9018	518.000	41.440.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TỰ Y TẾ THANH HÓA
14	14	26.UBV TBS.24	PP26001 25949	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0	GL-122	Polysorb Braided Absorbab le Suture	2025 trở về sau	Covidien	Mỹ	Sợi	3000	36 Sợi/ Hộp	3006	79.500	238.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TỰ Y TẾ THANH HÓA
15	15	26.UBV TBS.25	PP26001 25950	Chỉ phẫu thuật Medcryn 3/0	2F75DZ2 6	Trustmed	2025 trở đi	2025 trở đi	Ấn Độ	Sợi	2.000	12 sợi/1 hộp	3006	18.020	36.040.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ AN SINH
16	16	26.UBV TBS.26	PP26001 25951	Tay dao siêu âm không dây Sonicision	SCDA26	Covidien LLC	2025 trở đi	Covidien (Medtron ic)	Mỹ	Cái	30	1 cái/hộp	9018	23.500.000	705.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
17	17	26.UBV TBS.28	PP26001 25953	Lưới cố định xạ trị	F11B	Sun Medical Products Co., Ltd.	2025 TRỞ VỀ SAU	Sun Medical Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái	300	10 cái/ thùng	9018	331.800	99.540.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T
18	18	26.UBV TBS.29	PP26001 25954	Mặt nạ cố định (Đầu, cổ & vai, loại 4 điểm)	F21, F22, F91C	F21, F22, F91C	2026 trở về sau	Sun Medical Products Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	700	1 cái/túi	39269039	878.325	614.827.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GIA VIỆT
19	19	26.UBV TBS.30	PP26001 25955	Lưới cố định xạ trị	F72	Sun Medical Products Co., Ltd.	2025 TRỞ VỀ SAU	Sun Medical Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái	500	20 cái/ thùng	9018	922.950	461.475.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ 2T

